| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐAN PHƯỢNG**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 05 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Độ;

Bà Nguyễn Thị Chiều;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội;

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 2 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1993; Nơi ĐKHKTT: Cụm 1, thôn T, xã L, huyện Đ, Thành phố H; Nơi cư trú: Đội 9, xóm Trại, thôn L1, xã P, huyện Đ, Thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Viết T1, sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: Cụm 1, thôn T, xã L, huyện Đ, Thành phố H; Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma tuý số 1 Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày của nguyên đơn là chị Trần Thị N thì:* chị và anh Nguyễn Viết T1 kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, Thành phố H vào ngày 11 tháng 2 năm 2011. Thời gian đầu, vợ chồng chị sinh sống rất hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 chơi bời, nghiện ngập không chăm lo cho gia đình. Bản thân chị và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được. Tháng 6 năm 2024, anh T1 bị áp dụng biện pháp hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma tuý số 1 Thành phố Hà Nội, chị N đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ tại xã PH1 Đình để sinh sống và sống ly thân với anh T1 từ đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: chị và anh T1 có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 02/11/2011; cháu Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 13/04/2013 và cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/6/2019. Hiện nay, ba cháu đều đang ở cùng chị, sau ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả ba cháu. Khi anh T1 đi cai nghiện về nếu cháu nào muốn ở cùng anh T1 thì chị sẽ để cho anh T1 nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vì anh T1 đang đi cai nghiện, không có điều kiện nên chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung và công sức đóng góp, phát triển khối tài sản chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Viết T1 trình bày:* anh và chị Trần Thị N kết hôn với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 11/02/2011 tại UBND xã L, huyện Đ, Thành phố H. Anh nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng chị N xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: anh chị có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 02/11/2011; cháu Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 13/04/2013 và cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/6/2019. Sau ly hôn, anh đồng ý giao cả ba cháu cho chị N nuôi dưỡng. Hiện nay anh đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma tuý số 1 Thành phố Hà Nội không có điều kiện nên tiền cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết sau khi anh đi cai nghiện về.

Về tài sản chung và công sức đóng góp, phát triển vào khối tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị ly hôn. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm: Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn. Về con chung: Giao ba con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 02/11/2011; cháu Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 13/04/2013 và cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/6/2019 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung; công sức, công nợ: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị N có đơn xin ly hôn, giải quyết về quyền nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Viết T1. Anh T1 có nơi ĐKHKTT tại xã L, huyện Đ, Thành phố H. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan

Phượng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị N và anh Nguyễn Viết T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/02/2011 tại UBND xã L, huyện Đ, Thành phố H, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị N, anh T1 chung sống hạnh phúc cùng nhau. Đến cuối năm 2019 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tháng 6 năm 2024, anh T1 đi cai nghiện bắt buộc nên chị N đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ tại xã PH1 Đình sinh sống và sống ly thân với anh T1 từ đó đến nay. Bản thân chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị N xin ly hôn, anh T1 đồng ý. Hiện anh T1 đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma tuý số 1 Hà Nội nên không thể đến Toà để làm việc. Tuy nhiên, trong các bản tự khai anh T1 đồng ý ly hôn với chị N. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị N và anh T1 ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị N và anh T1 có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 02/11/2011; cháu Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 13/04/2013 và cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/6/2019. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi ba con, anh T1 cũng đồng ý để chị Nhưng nuôi ba con vì hiện anh đang đi cai nghiện, không có điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, tại thời điểm ly hôn, anh T1 đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma tuý số 1 thành phố Hà Nội, chưa thể có mặt tại địa pH1. Bản thân chị N là mẹ, có công việc và thu nhập đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Ngoài ra, chị N hiện đang sống cùng với bố, mẹ đẻ của chị tại nhà riêng ở Đội 9, xóm Trại, thôn L1, xã P, huyện Đ, Thành phố H. Hội đồng xét xử thấy giao cả ba là cháu M, cháu H1 và cháu Minh Anh cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh Nguyễn Viết T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức với hai bên gia đình: chị N và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

1. Chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Viết T1.

2. Về con chung: chị N và anh T1 có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 02/11/2011; cháu Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 13/04/2013 và cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/6/2019.

Giao cháu M, cháu H1 và cháu Minh Anh cho chị N nuôi cho đến khi cháu M, cháu H1 và cháu Minh A đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Viết T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; công sức; công nợ: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010571 ngày 21 tháng 2 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Viết T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- UBND xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thúy**